

Số: 552/TB-CT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v hoàn thành đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

Sau khi xem xét hồ sơ mã số 2025 HDM 196 tiếp nhận ngày 30 tháng 6 năm 2025 về việc đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung của Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT (Công ty) trong lĩnh vực dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ truy nhập Internet), Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia thông báo:

- Công ty đã hoàn thành trách nhiệm đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo hồ sơ mã số 2025 HDM 196 nêu trên theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Công ty chịu trách nhiệm tuân thủ mẫu đã hoàn thành trách nhiệm đăng ký; tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định của pháp luật có liên quan khi bổ sung các nội dung để trống.
- Công ty được sử dụng các mẫu theo hồ sơ nêu trên để giao dịch với người tiêu dùng kể từ thời điểm hoàn thành việc đăng ký. Trong trường hợp thay đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, đề nghị Công ty thực hiện thủ tục đăng ký lại theo đúng quy định.
- Việc hoàn thành trách nhiệm đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo Thông báo này chỉ có giá trị đối với bản tiếng Việt đã nộp trong hồ sơ đăng ký và không loại trừ trách nhiệm của Công ty theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, Công ty có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình đăng ký và áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung tới Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 55/2024/NĐ-CP.

Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia thông báo để Công ty biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- SCT TP. Hồ Chí Minh (để p/h);
- Chủ tịch UBCTQG (để b/c);
- Lưu: VT, HDM.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Anh

Số HĐ:

--	--	--	--	--	--	--	--

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÓ ĐỊNH MẶT ĐẤT
(DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET) ¹**

Căn cứ:

- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023; Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024; Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng số 19/2023/QH15 ngày 20/6/2023; Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024; Nghị định 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024; Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22/6/2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Giấy phép cung cấp Dịch vụ Viễn thông số 330/GP-CVT ngày 15/8/2023 – Nơi cấp: Cục Viễn Thông.

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÓ ĐỊNH MẶT ĐẤT (DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET) này (“**Hợp đồng**”) được lập vào ngày (“**Ngày hiệu lực**”)², bởi và giữa:

Bên sử dụng dịch vụ ³ (Bên A):	<họ tên>	
Ngày, tháng, năm sinh:		
Địa chỉ:		
Email: ⁴		
Chứng minh nhân dân; Căn cước công dân; Hộ chiếu hoặc Mã số định danh cá nhân:		Ngày cấp :
		Nơi cấp:

¹ Việc sử dụng hợp đồng theo mẫu để giao kết với người tiêu dùng chỉ được thực hiện sau khi Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT đã hoàn thành và đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

² Đối với các nội dung để trống trong Hợp Đồng, ngoài phần thông tin riêng của các bên do mỗi bên tự điền, các nội dung để trống khác trong Hợp Đồng sẽ được bổ sung theo thỏa thuận cụ thể giữa hai bên tại thời điểm giao kết Hợp Đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

³ Hợp đồng này áp dụng đối với Bên sử dụng dịch vụ là người tiêu dùng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

⁴ Nội dung này chỉ được điền khi Bên A đồng ý cung cấp.

Email đại diện liên hệ về thanh toán và kỹ thuật (nếu có): ⁵		
Điện thoại liên hệ:		
Bên cung cấp dịch vụ (Bên B):	<CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT>	
Người đại diện:		
Chức vụ:		
Theo giấy ủy quyền số (nếu có):		
Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số:	Giấy phép cung cấp Dịch vụ Viễn thông số 330/GP-CVT ngày 15/8/2023 – Nơi cấp: Cục Viễn Thông	
Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	<0305793402>	Cấp ngày: <22/5/2008>
		Tại: <Sở Kế hoạch – Đầu tư TP. Hồ Chí Minh>
Mã số thuế	<0305793402>	
Địa chỉ:		
Điện thoại:		
Email:		
Tài khoản số:		Mở tại:

(Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là “các Bên”, “hai Bên” và được gọi riêng là “Bên”)

Hai Bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng với các điều khoản và điều kiện sau:

ĐIỀU 1: DỊCH VỤ CUNG CẤP

- 1.1. **Loại Dịch vụ cung cấp:** Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng Dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ truy nhập internet) (“**Dịch vụ**”).
- 1.2. Thông tin chi tiết về từng loại Dịch vụ, gói cước được quy định chi tiết tại Phụ lục cung cấp Dịch vụ tương ứng đính kèm Hợp đồng (“**Phụ lục**”).

ĐIỀU 2. TRIỂN KHAI VÀ NGHIỆM THU DỊCH VỤ

- 2.1 **Thời gian triển khai Dịch vụ:** Theo quy định tại **Điều 1.4** Phụ lục cung cấp Dịch vụ tương ứng đính kèm.
- 2.2 **Thông báo:** Bên B sẽ thông báo cho Bên A thời gian triển khai Dịch vụ chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày dự định thực hiện và Bên A có đủ điều kiện triển khai Dịch vụ. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B về bất kỳ thay đổi nào đối với thời

⁵ Nội dung này chỉ được điền khi Bên A đồng ý cung cấp.

gian triển khai Dịch vụ mà Bên B đã thông báo chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc trước ngày thực hiện.

- 2.3 Nghiệm thu: Ngay sau khi Bên B hoàn tất triển khai Dịch vụ theo quy định Hợp đồng và Phụ lục, đại diện các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu Dịch vụ và ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật tại từng địa chỉ triển khai của từng Dịch vụ tương ứng. Trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm Bên B hoàn tất triển khai Dịch vụ mà Bên A không ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật và không đưa ra được bất kỳ lý do chính đáng nào, các Bên đồng ý Dịch vụ đã được xem là nghiệm thu và Biên bản nghiệm thu kỹ thuật được xem là đã ký bởi các Bên vào ngày Bên B lập Biên bản nghiệm thu kỹ thuật cho dù không có chữ ký của đại diện Bên A trên (các) Biên bản này, trừ trường hợp do lỗi của Bên B.
- 2.4 Dịch chuyển: Bên A không được tự ý dịch chuyển đường truyền. Khi có nhu cầu dịch chuyển đường truyền, Bên A phải có văn bản yêu cầu Bên B trước 15 (mười lăm) ngày làm việc. Các chi phí thực tế phát sinh từ việc dịch chuyển đường truyền sẽ do Bên A chịu.

ĐIỀU 3: GIÁ CƯỚC VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 3.1 Phí lắp đặt ban đầu (nếu có) được quy định tại Phụ lục đính kèm và được Bên A thanh toán 01 (một) lần cho Bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ Ngày hiệu lực của Hợp đồng, Phụ lục tương ứng và Bên A nhận được hoá đơn VAT hợp lệ từ Bên B.
- 3.2 Cước phí sử dụng Dịch vụ được quy định tại Phụ lục và được tính kể từ ngày các Bên ký hoặc được xem là đã ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật theo quy định tại **Điều 2.3** Hợp đồng.

<Áp dụng với phương thức thanh toán trả trước>

Bên A thanh toán trả trước cước phí sử dụng Dịch vụ 01 (một) lần cho Bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Biên bản nghiệm thu kỹ thuật được ký hoặc được xem là đã ký theo quy định tại **Điều 2.3** Hợp đồng (không áp dụng trong Thời Hạn Gia Hạn) và Bên A đã nhận được hóa đơn VAT hợp lệ từ Bên B.

<Áp dụng với phương thức thanh toán hằng tháng>

- 3.2.1 Đối với tháng sử dụng Dịch vụ đầu tiên và cuối cùng, cước phí sử dụng Dịch vụ sẽ được tính trên số ngày sử dụng Dịch vụ thực tế trong tháng đó.
- 3.2.2 Chậm nhất đến ngày 10 (mười) hằng tháng dương lịch ("**Tháng T**"), Bên B sẽ gửi cho Bên A thông báo cước tương ứng cước phí sử dụng Dịch vụ ("**Thông báo cước**") của tháng liền trước ("**Tháng T-1**") qua thư điện tử đến Bên A; hoặc gửi trực tiếp, chuyển phát nhanh đến địa chỉ của Bên A nêu tại phần đầu Hợp đồng; hoặc gửi đến thư điện tử của đại diện liên hệ về thanh toán của Bên A nêu tại phần đầu của Hợp đồng (nếu có). Đối với hóa đơn điện tử, Bên B sẽ cung cấp tài khoản và mật khẩu (tới địa chỉ email của Bên A hoặc đại diện liên hệ về thanh toán của Bên A (nếu có)) phục vụ truy cập website <https://onmember.fpt.vn> để Bên A tải về hóa đơn.

- 3.2.3 Trường hợp đến hết ngày 10 (mười) mà Bên A vẫn chưa nhận được (hoặc không truy cập được) bất kỳ hình thức Thông báo cước nào nêu trên, Bên A có quyền thông báo bằng hình thức nhanh nhất cho Bên B (văn bản, email) để yêu cầu Bên B nhanh chóng khắc phục.
- 3.2.4 Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bên A nhận được thông báo cước theo **Điều 3.2.2**, Bên A phải thanh toán đầy đủ cước phí sử dụng Dịch vụ của Tháng T-1 cho Bên B. Nếu ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán không phải là ngày làm việc, Bên A phải thanh toán cho Bên B vào ngày làm việc liền tiếp. Thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin tài khoản ngân hàng của Bên B nêu tại phần đầu của Hợp đồng.
- 3.3 Khi có sự thay đổi về giá cước sử dụng Dịch vụ, Bên B sẽ thông báo cho Bên A trước 05 (năm) ngày làm việc trước ngày dự kiến áp dụng giá cước mới. Giá cước mới sẽ được áp dụng kể từ ngày quy định về giá cước mới có hiệu lực. Trường hợp Bên A không đồng ý với giá cước mới, Bên A sẽ được sử dụng Dịch vụ với giá cước cũ đến thời điểm giá cước cũ không được áp dụng và được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng tại bất kỳ thời điểm nào bằng cách thông báo cho Bên B và chỉ phải thanh toán đối với phần Dịch vụ mà Bên A đã sử dụng.
- 3.4 Các khoản phí lắp đặt ban đầu đã thanh toán theo **Điều 3** (nếu có) là không hoàn lại, trừ trường hợp do lỗi của Bên B.
- 3.5 Trường hợp chậm thanh toán, Bên A phải trả tiền lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất bằng 0,05% trên số tiền chậm thanh toán cho mỗi ngày chậm thanh toán, tính từ ngày liền sau ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày Bên A thanh toán đầy đủ dư nợ gốc cho Bên B. Bên A sẽ thanh toán tiền lãi cùng thời điểm với thanh toán dư nợ gốc. Trường hợp Bên A không thanh toán theo thời hạn này thì lãi chậm thanh toán vẫn sẽ được tính cho các khoản dư nợ còn tồn đọng đến khi Bên A hoàn tất thanh toán.
- 3.6 Điều chỉnh hóa đơn: Mọi sự nhầm lẫn trong hoá đơn (nếu có) sẽ được Hai Bên cùng xác nhận và điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 3.7 Xác nhận công nợ (chỉ áp dụng khi Bên A có công nợ với Bên B):
Hàng quý, Bên B có thể gửi Biên bản xác nhận công nợ bản cứng hoặc bản scan của bản cứng (đã được ký bởi đại diện có thẩm quyền của Bên B) ("**Biên Bản**") qua địa chỉ hoặc qua email đại diện thanh toán của Bên A để thông báo tổng hợp về tình trạng công nợ của Bên A. Bên A có nghĩa vụ ký và gửi bản cứng hoặc bản scan của bản cứng Biên Bản (đã được ký bởi đại diện có thẩm quyền của Bên A) cho Bên B trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận Biên Bản. Quá thời hạn này mà Bên A không gửi Biên Bản cho Bên B và không có lý do chính đáng, các Bên đồng ý Biên Bản được xem là đã được xác nhận bởi Các Bên cho dù không có chữ ký của Bên A.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

4.1 Quyền của Bên A

- 4.1.1 Được quyền yêu cầu Bên B cung cấp Dịch vụ theo quy định tại **Điều 1** của Hợp đồng này và các dịch vụ giá trị gia tăng đi kèm (nếu có);
- 4.1.2 Được từ chối sử dụng một phần hoặc toàn bộ Dịch vụ theo quy định tại Hợp đồng này;
- 4.1.3 Sử dụng Dịch vụ theo chất lượng và giá cước trong Hợp đồng. Được khiếu nại về giá cước, chất lượng Dịch vụ của Bên B cung cấp theo quy định tại Hợp đồng và Phụ lục đính kèm. Tất cả các khiếu nại phải được gửi cho Bên B trong thời hiệu khiếu nại theo quy định pháp luật. Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, Bên A phải thanh toán đầy đủ cước phí sử dụng Dịch vụ cho Bên B nếu Bên A vẫn được tiếp tục sử dụng Dịch vụ. Sau khi khiếu nại đã được giải quyết, nếu xác định được nguyên nhân của khiếu nại là do lỗi của Bên B, Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của Hợp đồng này cho Bên A;
- 4.1.4 Được bảo vệ thông tin của Bên A ghi trong Hợp đồng và các thông tin liên quan đến việc sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm (i) quyền được biết về mục đích, phạm vi thu thập, sử dụng, (ii) quyền đồng ý hoặc từ chối việc tiết lộ, chia sẻ thông tin với bên thứ ba (trừ trường hợp Bên B tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật và/hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền); (iii) quyền kiểm tra, chỉnh sửa, cập nhật, yêu cầu hủy bỏ hoặc ngưng chuyển giao thông tin của mình phù hợp với quy định pháp luật;
- 4.1.5 Được hoàn trả tiền sử dụng Dịch vụ và bồi thường thiệt hại trực tiếp khác do lỗi của Bên B gây ra;
- 4.1.6 Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng và pháp luật.

4.2 Nghĩa vụ của Bên A

- 4.2.1 Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin theo Hợp đồng, theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước và các thông tin để cung cấp Dịch vụ, chịu trách nhiệm trước Bên B và pháp luật về tính chính xác của các thông tin Bên A cung cấp;
- 4.2.2 Trường hợp địa điểm sử dụng Dịch vụ của Bên A nằm trong toà nhà, khu công nghiệp, khu dân cư, tuyến đường có quy hoạch đặc biệt, Bên A có trách nhiệm đàm phán với đơn vị quản lý để Bên B hoàn thành việc lắp đặt đường truyền, triển khai Dịch vụ. Mọi chi phí phát sinh từ việc đàm phán này do Bên A chịu trách nhiệm chi trả. Nếu cơ quan có thẩm quyền tại địa điểm lắp đặt đường truyền, triển khai Dịch vụ chưa được thông báo và Bên B bị buộc tạm ngừng hoặc chấm dứt việc triển khai lắp đặt đường truyền, triển khai Dịch vụ do Bên A không thực hiện/chậm thực hiện nghĩa vụ thông báo này, Bên A phải chịu mọi chi phí thực tế phát sinh liên quan đến sự trì hoãn quá trình lắp đặt đường truyền, triển khai Dịch vụ này;
- 4.2.3 Phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện cho Bên B trong suốt quá trình lắp đặt đường truyền, cung cấp Dịch vụ, bảo dưỡng và kiểm tra chất lượng Dịch vụ tại địa điểm sử dụng Dịch vụ

vụ của Bên A, nhằm đảm bảo việc cung cấp Dịch vụ của Bên B được thực hiện đầy đủ và đúng tiến độ;

- 4.2.4 Sử dụng Dịch vụ được cung cấp theo đúng mục đích và cấu hình, địa điểm đã đăng ký, phù hợp với quy định pháp luật và Hợp đồng này. Không cho phép bất kỳ cá nhân, tổ chức nào được sử dụng lại Dịch vụ. Trường hợp Bên B phát hiện Bên A vi phạm điều khoản này, Bên B có quyền tạm ngưng Dịch vụ, truy thu toàn bộ cước phí chênh lệch phát sinh từ việc sử dụng không đúng mục đích, cấu hình, cho phép bên thứ ba sử dụng lại Dịch vụ của Bên A (nếu có);
- 4.2.5 Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên B về mục đích sử dụng Dịch vụ, nội dung thông tin truyền, đưa, lưu trữ trên mạng viễn thông và khi sử dụng Dịch vụ. Bên A không được sử dụng mạng viễn thông, Dịch vụ nhằm đe dọa, quấy rối, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của các cá nhân và/ hoặc tổ chức khác. Bên A không được sử dụng Dịch vụ của Bên B tại một hoặc nhiều địa chỉ lắp đặt để thực hiện bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào;
- 4.2.6 Bên A có trách nhiệm trong việc bảo vệ mật khẩu (password) của mình. Trường hợp có một bên thứ ba bất kỳ truy cập trái phép vào hệ thống sử dụng Dịch vụ của Bên A và/hoặc hệ thống cung cấp Dịch vụ của Bên B do lỗi của Bên A thì Bên A vẫn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cước phí và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật (kể cả pháp luật hành chính, hình sự...) (nếu có);
- 4.2.7 Bên A cung cấp thông tin cần thiết (mục đích, quy mô, cấu hình mạng) cho Bên B, tạo điều kiện cho Bên B đo thử, kiểm tra lắp đặt mạng lưới và thiết bị đầu cuối khi kết nối mạng Internet;
- 4.2.8 Bên A không được sử dụng Dịch vụ để đặt máy chủ lưu trữ (hosting) các loại hình trò chơi trực tuyến và thực hiện bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào;
- 4.2.9 Bên A không được sử dụng cơ sở hạ tầng viễn thông (mạng nội bộ, mạng dùng riêng, thiết bị đầu cuối...) mà Bên B cung cấp để kinh doanh lại Dịch vụ dưới mọi hình thức. Trường hợp phát hiện Bên A kinh doanh lại Dịch vụ, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức mà không phải chịu bất kỳ chế tài hay trách nhiệm bồi thường nào trước Bên A;
- 4.2.10 Bồi thường thiệt hại thực tế, trực tiếp theo quy định của pháp luật do lỗi của Bên A gây ra cho Bên B;
- 4.2.11 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản phí lắp đặt ban đầu, cước Dịch vụ quy định tại Điều 3 Hợp đồng cho Bên B theo quy định của Hợp đồng, kể cả trong thời gian khiếu nại;
- 4.2.12 Bên A không được gây rối, phá hoại hệ thống thiết bị hoặc cản trở việc cung cấp, sử dụng Dịch vụ của Bên B và/hoặc bên thứ ba;

- 4.2.13 Bảo quản thiết bị do Bên B cung cấp, cho mượn, cho thuê theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất. Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các mất mát, hư hỏng thiết bị nằm ngoài phạm vi bảo hành của nhà sản xuất do lỗi của mình gây ra;
- 4.2.14 Có văn bản thông báo cho Bên B tất cả những thay đổi về thông tin liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ như thay đổi cấu hình, tên, địa chỉ, số tài khoản, địa chỉ IP hoặc tên miền trước 15 (mười lăm) ngày làm việc tính đến ngày dự định thay đổi;
- 4.2.15 <Đối với khách hàng cá nhân> Cam kết không sử dụng thông tin trên giấy tờ tùy thân của mình để ký kết Hợp đồng này nhằm cung cấp Dịch vụ cho bên thứ ba khác;
- 4.2.16 Tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và Chính Sách Bảo Vệ Dữ Liệu Cá Nhân được Bên B soạn thảo phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, được đăng tải công khai trên website của Bên B tại : <https://fti.fpt.vn/chinh-sach-bao-ve-du-lieu-ca-nhan/> và được Bên B cung cấp cho Bên A trước khi ký kết Hợp đồng;
- 4.2.17 Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng và pháp luật.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

5.1 Quyền của Bên B

- 5.1.1 Được yêu cầu Bên A thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng;
- 5.1.2 Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán cước phí đầy đủ, đúng hạn theo như thỏa thuận tại Hợp đồng; yêu cầu Bên A bồi thường các mất mát, hư hỏng của các thiết bị kỹ thuật mà Bên B cho mượn trong trường hợp do lỗi của Bên A (nếu có);
- 5.1.3 Trong mọi trường hợp Bên A chịu tổn thất từ hành vi vi phạm nghĩa vụ của Bên B theo quy định tại Hợp đồng, Bên B sẽ bồi thường thiệt hại thực tế và trực tiếp cho Bên A theo quy định pháp luật;
- 5.1.4 Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và/hoặc theo quy định của pháp luật, Bên B được quyền ngăn chặn kết nối, địa chỉ Internet, và các biện pháp ngăn chặn khác mà pháp luật cho phép ("**Biện pháp Ngăn chặn**") đối với Dịch vụ, nếu phát hiện Bên A có hành vi sử dụng Dịch vụ nhằm mục đích vi phạm điều cấm của luật, xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba. Để làm rõ, Bên B không có nghĩa vụ phải báo trước, không bị xác định là vi phạm Hợp đồng và sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại hay tổn thất nào của Bên A khi tiến hành Biện pháp Ngăn chặn tại Điều này;
- 5.1.5 Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng và pháp luật.

5.2 Nghĩa vụ của Bên B

- 5.2.1 Cung cấp Dịch vụ theo đúng nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng, đảm bảo chất lượng Dịch vụ cung cấp theo đúng chất lượng dịch vụ được quy định tại Hợp đồng này và thường xuyên kiểm tra chất lượng Dịch vụ;

- 5.2.2 Giải quyết các khiếu nại của Bên A về giá cước, chất lượng Dịch vụ và các vấn đề khác trong phạm vi trách nhiệm của mình và theo quy định tại Hợp đồng và theo thời hạn quy định của pháp luật;
- 5.2.3 Bên B có nghĩa vụ đảm bảo an toàn, an ninh thông tin của Bên A theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định khác của pháp luật có liên quan. Bên B chỉ được sử dụng thông tin của Bên A để phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng của hai Bên. Việc thu thập, sử dụng thông tin của Bên A (bao gồm cả chia sẻ, tiết lộ và chuyển giao thông tin cho bên thứ ba) trong các trường hợp khác phải được Bên A đồng ý theo các quy định cụ thể tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- 5.2.4 Không được từ chối giao kết Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên A, trừ các trường hợp theo quy định của pháp luật;
- 5.2.5 Hướng dẫn Bên A thực hiện đúng quy trình khai thác Dịch vụ và các quy định pháp luật về viễn thông có liên quan. Chịu trách nhiệm cài đặt và bảo trì Dịch vụ cung cấp cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng này;
- 5.2.6 Trừ trường hợp được quy định khác tại Hợp đồng này, hoặc pháp luật có quy định khác, Bên B thông báo cho Bên A tất cả những thay đổi về thông tin liên quan đến việc cung cấp Dịch vụ như thay đổi địa chỉ, số tài khoản trước 15 (mười lăm) ngày làm việc tính đến ngày dự định thay đổi;
- 5.2.7 Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng và pháp luật.

ĐIỀU 6: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

- 6.1 Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Cho mục đích của Hợp đồng này, Sự kiện Bất Khả Kháng có nghĩa là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.
- 6.2 Khi Sự kiện Bất Khả Kháng xảy ra, các Bên trong khả năng tốt nhất của mình phải nỗ lực để giảm bớt thiệt hại và thương lượng, thỏa thuận trên tinh thần thiện chí để tìm ra giải pháp khắc phục Sự kiện Bất Khả Kháng đó.
- 6.3 Bên nào bị ngăn cản và/hoặc trì hoãn việc thực hiện Hợp đồng do Sự kiện Bất Khả Kháng phải có trách nhiệm thông báo kịp thời cho phía Bên kia.
- 6.4 Nếu Sự kiện Bất Khả Kháng xảy ra liên tục trong vòng 30 (ba mươi) ngày (cộng dồn) mà không kết thúc thì một Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng một thông báo bằng văn bản trước 10 (mười) ngày trước ngày dự định chấm dứt. Các Bên phải thực hiện hoàn tất các nghĩa vụ phát sinh trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

- 6.5 Trường hợp sau khi Sự kiện Bất Khả Kháng và Hợp đồng chấm dứt theo quy định tại Điều 6.4, hai Bên sẽ xem xét, nếu một Bên có khả năng cung cấp Dịch vụ và một Bên có nhu cầu sử dụng vụ, thì hai Bên sẽ thỏa thuận để ký Hợp đồng cung cấp Dịch vụ mới.

ĐIỀU 7: TẠM NGUNG DỊCH VỤ

- 7.1. Bên A có quyền tạm ngưng sử dụng Dịch vụ có thời hạn với điều kiện phải thông báo bằng văn bản cho Bên B trước ít nhất 5 (năm) ngày làm việc trước ngày dự định tạm ngưng. Trong thông báo phải ghi rõ ngày dự định tạm ngưng và ngày tiếp tục sử dụng Dịch vụ. Thời gian tạm ngưng sử dụng Dịch vụ không được vượt quá 30 (ba mươi) ngày làm việc.
- 7.2. Bên B có quyền tạm ngưng cung cấp một phần hoặc toàn bộ Dịch vụ trong các trường hợp sau:
- Bên B có bằng chứng cho thấy Bên A có dấu hiệu vi phạm pháp luật và/hoặc đang bị điều tra, khởi tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật và/hoặc sử dụng Dịch vụ để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Bên A vi phạm bất kỳ quy định của pháp luật và/hoặc nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng, Phụ lục đính kèm Hợp đồng. Bên B sẽ xem xét cung cấp lại Dịch vụ nếu Bên A khắc phục những vi phạm, dấu hiệu vi phạm nêu trên tối đa trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra vi phạm;
 - Có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc xảy ra trường hợp Bất khả kháng theo quy định tại **Điều 6** Hợp đồng này. Nếu nguyên nhân của việc tạm ngưng theo quy định tại Điều này là do lỗi của Bên B, Bên B sẽ bồi thường cho Bên A các tổn thất thực tế, trực tiếp phát sinh theo quy định tại Hợp đồng này;
 - Bên B thực hiện nâng cấp, tu bổ, sửa chữa mạng lưới theo kế hoạch hoặc theo quy định chung của Bên B.
 - Để làm rõ, trong trường hợp do lỗi trực tiếp của Bên A dẫn đến Dịch vụ bị tạm ngưng theo quy định tại **điểm (a), (b) Điều 7.2**, Bên A phải thanh toán cho Bên B cước phí tạm ngưng bằng 100% cước phí sử dụng Dịch vụ theo quy định tại Hợp đồng, Phụ lục đính kèm Hợp đồng.
- 7.3. Khi xảy ra một trong các trường hợp theo quy định nêu trên, Bên B sẽ tiến hành thông báo cho Bên A trước ít nhất 03 (ba) ngày làm việc, (trừ trường hợp (i) Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán hoặc các trường hợp khẩn cấp; hoặc (ii) không được phép thông báo theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; và sẽ cung cấp lại Dịch vụ cho Bên A sau khi những sự kiện dẫn đến việc tạm ngưng được khắc phục theo quy định tại Điều khoản này.

ĐIỀU 8: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT

- 8.1. **Thời hạn Hợp đồng:** Hợp đồng có hiệu lực kể từ Ngày hiệu lực và kéo dài cho đến khi kết thúc thời gian sử dụng Dịch vụ nêu tại Phụ lục Hợp đồng đính kèm.

8.2. Chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng:

8.2.1. Hợp đồng này chấm dứt một phần hoặc toàn bộ theo một trong các trường hợp sau:

- a. Hết thời hạn sử dụng Dịch vụ mà các Bên không có nhu cầu gia hạn;
- b. Theo thoả thuận bằng văn bản của các Bên;
- c. Một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo Hợp đồng này và/hoặc quy định pháp luật mà không khắc phục vi phạm trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khắc phục bằng văn bản của Bên còn lại, trừ trường hợp Hợp đồng, Phụ lục có quy định khác;
- d. Chưa hết thời hạn sử dụng Dịch vụ theo quy định của hợp đồng này mà Bên A có yêu cầu chấm dứt một hoặc nhiều Dịch vụ/kênh truyền của Dịch vụ. Trong trường hợp việc yêu cầu chấm dứt của Bên A không do lỗi của Bên B, ngoài nghĩa vụ quy định tại Điều 8.3, Bên A có nghĩa vụ thanh toán chi phí lắp đặt ban đầu đã được miễn hoặc giảm cho Bên B (chỉ thanh toán phần được giảm); và hoàn trả cho Bên B toàn bộ giá trị ưu đãi, khuyến mại theo quy định pháp luật mà Bên A được hưởng và được biết về chính sách ưu đãi, khuyến mại đó trước khi đăng ký sử dụng Dịch vụ;
- e. Quá thời hạn tạm ngưng quy định tại **điểm (a) Điều 7.2** mà Bên A chưa/không thể khắc phục vi phạm;
- f. Có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc xảy ra Sự kiện Bất Khả Kháng theo quy định tại **Điều 6** Hợp đồng này. Trường hợp yêu cầu của cơ quan nhà nước phát sinh từ lỗi của Bên nào, Bên đó phải chịu trách nhiệm tương ứng theo **điểm (c) Điều 8.3** bên dưới của Hợp đồng và bồi thường các thiệt hại thực tế, trực tiếp phát sinh cho Bên không có lỗi theo quy định tại Hợp đồng này;
- g. Khi Bên B thay đổi chính sách dẫn đến không cung cấp Dịch vụ mà Bên A đã đăng ký và Bên A không đồng ý chuyển đổi sang loại Dịch vụ khác trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày Bên A nhận được thông báo từ Bên B. Trường hợp này, Bên B sẽ chịu trách nhiệm theo **điểm (c) Điều 8.3** bên dưới của Hợp đồng và bồi thường các thiệt hại thực tế, trực tiếp phát sinh cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng này;
- h. Bên B có bằng chứng cho thấy Bên A bị mất khả năng thanh toán và/hoặc đang làm thủ tục giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành, Bên B sẽ gửi thông báo tạm ngưng cung cấp Dịch vụ cho Bên A, việc tạm ngưng diễn ra quá 30 (ba mươi) ngày (cộng dồn), Bên B có quyền gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Bên A;
- i. Bên A đã bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- j. Các trường hợp khác theo quy định tại Hợp đồng và/hoặc quy định pháp luật.

8.2.2. Trường hợp một Bên chấm dứt một phần Dịch vụ theo quy định tại các **điểm (c), (d), (e), (f), (g) và (j) Điều 8.2.1**, Bên chấm dứt phải: (i) thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thông báo theo quy định tại từng trường hợp (nếu có); (ii) thực hiện ký kết Biên bản thanh lý một phần

Hợp đồng, Biên bản đối chiếu công nợ đối với phần Dịch vụ/kênh truyền của Dịch vụ bị chấm dứt (nếu Bên B có yêu cầu); và các Bên phải hoàn tất các nghĩa vụ đối với các Dịch vụ/kênh truyền của Dịch vụ đã phát sinh trước thời điểm chấm dứt trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Dịch vụ/kênh truyền của Dịch vụ bị chấm dứt.

Việc chấm dứt một hoặc nhiều Dịch vụ/kênh truyền của Dịch vụ theo quy định tại Điều này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên đối với các Dịch vụ/kênh truyền của Dịch vụ chưa bị chấm dứt. Trường hợp tất cả các Dịch vụ bị chấm dứt thì Hợp đồng mặc nhiên được chấm dứt và các Bên thực hiện theo các quy định tại Điều này.

8.3. Thanh lý: Khi chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải hoàn tất các công việc sau:

- a. Bên A hoàn trả cho Bên B thiết bị mà Bên B cho Bên A mượn (nếu có);
- b. Bên B ngừng cung cấp Dịch vụ và ngừng tính cước;
- c. Bên A phải thanh toán các khoản cước phí tồn đọng cho Bên B (nếu có) và bồi thường giá trị khuyến mại, bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh khác cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này và pháp luật (nếu có). Trong trường hợp việc chấm dứt Hợp đồng xuất phát từ lỗi của Bên B, Bên B sẽ hoàn trả cho Bên A các khoản tiền trả trước nhưng chưa sử dụng (nếu có) sau khi đã khấu trừ các phần nghĩa vụ của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này và pháp luật (nếu có);
- d. Lập Biên bản thanh lý Hợp đồng, trừ trường hợp một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng hoặc quy định của pháp luật;
- e. Để làm rõ, khi Hợp đồng chấm dứt, các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng và Phụ lục đính kèm (nếu có) trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

9.1 Nếu một trong hai Bên chấm dứt việc cung cấp/sử dụng Dịch vụ tại một trong các địa điểm lắp đặt, triển khai Dịch vụ (thể hiện tại một trong các Phụ lục đính kèm Hợp đồng này) thì không ảnh hưởng đến việc cung cấp và sử dụng Dịch vụ ở các địa điểm khác theo các nội dung đã thoả thuận trong Hợp đồng này.

9.2 Thông tin liên hệ hỗ trợ:

Hỗ trợ kỹ thuật:	Dịch vụ Khách hàng:
Hotline: 19006973	<Đối với khách hàng phía Nam>
Email: fti.support@fpt.com	Email: ftel.fti.cs@fpt.com
Địa chỉ: Lô L.29B-31B-33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM, Việt Nam	SĐT: (028) 7300 2222 (ext 8910, 8913; 8916)
	<Đối với khách hàng phía Bắc>
	Email: ftel.ftihn.cs@fpt.com
	SĐT: (024) 7300 2222 (ext 4912, 4913, 4914)

- 9.3 Nếu có bất kỳ phần, khoản mục hoặc điều khoản nào của Hợp đồng này bị tuyên bố là bất hợp pháp, vô hiệu, không có hiệu lực thi hành thì các điều khoản còn lại của Hợp đồng vẫn có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành.
- 9.4 Nếu có tranh chấp xảy ra thì hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp không thương lượng, hòa giải được trong vòng 30 (ba mươi) ngày thì một trong các Bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Phán quyết của Tòa án sẽ là phán quyết cuối cùng và ràng buộc các Bên thực thi.
- 9.5 Một Bên không được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào khi chưa được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại.
- 9.6 Một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo Hợp đồng sẽ chịu phạt vi phạm tương ứng 8% giá trị nghĩa vụ bị vi phạm và bồi thường thiệt hại trực tiếp và thực tế phát sinh từ hành vi vi phạm Hợp đồng cho Bên còn lại theo quy định của Hợp đồng và/hoặc quy định của pháp luật.
- 9.7 Trừ trường hợp Hợp đồng có quy định khác hoặc các Bên có thỏa thuận khác, bất kỳ thông báo, trao đổi hay yêu cầu nào ("**Thông báo**") được đưa ra theo Hợp đồng này phải được gửi qua email hoặc lập thành văn bản và được gửi trực tiếp hoặc bằng thư bảo đảm, chuyển phát nhanh hoặc qua email cho Bên nhận theo địa chỉ được nêu trong Hợp đồng (hoặc địa chỉ khác được Bên nhận thông báo trước phù hợp với quy định tại **Điều 4.2.14** và **Điều 5.2.6** Hợp đồng). Thông báo được coi là đã nhận vào ngày gửi nếu gửi trực tiếp hoặc sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi bằng thư bảo đảm (trừ trường hợp không gửi được và trả lại cho Bên gửi) hoặc kể từ ngày gửi bằng chuyển phát nhanh, hoặc sau 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày gửi thành công và không có thông báo lỗi/không gửi được qua email.
- 9.8 Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Số HĐ:

--	--	--	--	--	--	--	--

**PHỤ LỤC CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CỐ ĐỊNH MẶT ĐẤT
(DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET)**

Số: ...¹

(Đính kèm Hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ truy nhập internet)
số: ký ngày .../.../... giữa và Công ty TNHH MTV Viễn Thông Quốc Tế FPT (“**Hợp đồng**”))

PHỤ LỤC CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CỐ ĐỊNH MẶT ĐẤT (DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET) (“**Phụ lục**”) này được lập vào ngày (“**Ngày hiệu lực**”), ghi nhận sự thỏa thuận của các Bên về các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1: DỊCH VỤ CUNG CẤP

1.1. Loại dịch vụ: Dịch vụ FTTH

1.2. Thông tin chi tiết:

STT	Gói Dịch vụ	Địa chỉ kết nối	Số lượng	Băng thông	Loại kết nối	Số lượng IP (nếu có)	Ghi chú

1.3. Thiết bị: Bên B cho Bên A mượn các thiết bị sau trong thời gian sử dụng Dịch vụ: <.....>

1.3.1 Các thiết bị này là tài sản của Bên B và Bên A không được chuyển nhượng hoặc cho bên thứ ba sử dụng, thuê, mượn lại, trừ trường hợp Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng có quy định khác. Bên A có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ các thiết bị Bên B cho mượn khi Hợp đồng và Phụ lục chấm dứt trong bất kỳ trường hợp nào.

1.3.2 Trường hợp các thiết bị bị mất mát, hỏng hóc do lỗi trực tiếp từ Bên A thì Bên A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh cho Bên B.

1.4. Thời gian triển khai Dịch vụ: Bên B sẽ triển khai Dịch vụ cho Bên A trong vòng 07 (bảy) – 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng, Phụ lục được ký kết Bên A có đủ điều kiện triển khai Dịch vụ.

¹ Đối với các nội dung để trống trong Phụ lục này, ngoài phần thông tin riêng của các Bên do mỗi bên tự điền, các nội dung để trống khác trong Phụ lục này sẽ được bổ sung theo thỏa thuận cụ thể giữa hai bên tại thời điểm giao kết Phụ lục này phù hợp với quy định của pháp luật.

- 1.5. Thời gian sử dụng Dịch vụ: Thời gian sử dụng Dịch vụ là <.....> tháng (“Thời Hạn Ban Đầu”) kể từ ngày các Bên ký hoặc được xem là đã ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật theo quy định Hợp đồng.

ĐIỀU 2: CƯỚC PHÍ VÀ THANH TOÁN

2.1 Chi phí lắp đặt ban đầu <Xóa bỏ nếu Khách hàng không phải thanh toán chi phí này>

STT	Hạng mục	Thành tiền (VND)
1	Cước phí cài đặt	
2	Phí hòa mạng	
Tổng cộng (VND)		
VAT 10% (VND)		
Thành tiền sau VAT (VND)		
Bằng chữ: ... Đồng Việt Nam		

2.2 Cước phí sử dụng Dịch vụ

STT	Hạng mục	Bảng thông	Thành tiền (VND)
1	<.....> <trong ...tháng> hoặc <mỗi tháng>		
2			
Tổng cộng (VND)			
VAT 10% (VND)			
Thành tiền sau VAT (VND)			
Bằng chữ: đồng.			

2.3 Dịch vụ giá trị gia tăng đi kèm Dịch vụ truy nhập Internet (nếu có) : <...>

<Áp dụng nếu Khách hàng có sử dụng dịch vụ giá trị gia tăng đi kèm>

STT	Loại dịch vụ giá trị gia tăng đi kèm	Thành tiền chưa VAT (VND/tháng)	VAT (VND)	Thành tiền sau VAT (VND)
1	Dịch vụ thư điện tử			
2	Dịch vụ thư thoại			
3	Dịch vụ fax gia tăng giá trị			
4	Dịch vụ truy nhập Internet, gồm dịch vụ truy nhập Internet băng hẹp có tốc độ tải thông tin xuống thấp hơn 256 kb/s và dịch vụ truy nhập Internet			

	<i>băng rộng có tốc độ tải thông tin xuống từ 256 kb/s trở lên</i>			
--	--	--	--	--

ĐIỀU 3: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 3.1** Phụ lục này có hiệu lực kể từ **Ngày hiệu lực** và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng. Các điều khoản không được đề cập, bổ sung, sửa đổi theo Phụ lục này được giữ nguyên hiệu lực thi hành theo Hợp đồng.
- 3.2** Phụ lục này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



